

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025 (lần 1)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Dịch vụ đảm bảo và chứng thực		
Mã học phần:	71ACCT30613	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71ACCT30613_01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có, tài liệu giấy	☐ Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Xác định yêu cầu và nhiệm vụ của kiểm toán viên trong quy trình kiểm toán	Trắc nghiệm	30%	TN5,6,9,10,11,12,13,14,16,17,18	0.3đ/câu	
CLO3	Nêu nhận định về kiểm toán trong một số trường hợp đơn giản.	Tự luận	20%	TL câu 2	TL 2đ	
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện để đánh giá các bằng chứng kiểm toán và các sai sót trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính	Tự luận+trắc nghiệm	30%	TN15,19,20 TL câu 1	0.3đ/câu TL 2đ	
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp	Trắc nghiệm	20%	TN1,2,3,4,7,8	0.3đ/câu	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần I: Trắc nghiệm (6 điểm, gồm 20 câu mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 1: Kiểm toán viên A được khách hàng mời tham gia vào một dự án lớn với khoản thưởng cao. Nếu nhận lời, A có thể gặp:

- A. Nguy cơ do tư lợi và mất tính độc lập
- B. Cơ hội để xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng
- C. Nguy cơ bị đe dọa
- D. Không có vấn đề gì, vì đó là cơ hội tốt

ANSWER: A

Câu 2: Kiểm toán viên B nhận được yêu cầu từ khách hàng để “làm đẹp” báo cáo tài chính, B nên:

- A. Từ chối và giải thích rằng điều đó là vi phạm đạo đức
- B. Đồng ý vì đây là yêu cầu từ khách hàng
- C. Tìm cách thương lượng với khách hàng để có lợi cho cả hai
- D. Chỉ ghi nhận yêu cầu mà không hành động gì.

ANSWER: A

Câu 3: Mục tiêu chính của kiểm toán báo cáo tài chính là:

- A. Đảm bảo tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính
- B. Đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty
- C. Tối ưu hóa quy trình kế toán
- D. Đưa ra ý kiến về khả năng sinh lời

ANSWER: A

Câu 4: Trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc đạo đức nào yêu cầu kiểm toán viên: “không để sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng không hợp lý của những đối tượng khác chi phối các xét đoán chuyên môn hay kinh doanh của mình”?

- A. Khách quan.
- B. Tư cách nghề nghiệp
- C. Chính trực
- D. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng

ANSWER: A

Câu 5: Ai thường là người chịu trách nhiệm chính trong việc duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của một doanh nghiệp?

- A. Giám đốc điều hành (CEO)
- B. Kiểm toán viên nội bộ

- C. Nhân viên kế toán
- D. Kế toán trưởng

Câu 6: Hãy chọn câu phát biểu sai:

- A. Chuẩn mực kiểm toán là cơ sở để đánh giá sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- B. Chuẩn mực kế toán và các quy định có liên quan là cơ sở để đánh giá sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- C. Chuẩn mực kiểm toán là những quy định và hướng dẫn về yêu cầu, nguyên tắc, thủ tục kiểm toán và xử lý các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động kiểm toán
- D. Chuẩn mực kiểm toán là thước đo chất lượng kiểm toán

ANSWER: A

Câu 7: “Nguy cơ gây ra do quan hệ lâu dài hoặc thân thiết với khách hàng hoặc doanh nghiệp, tổ chức nơi mình làm việc, khiến kiểm toán viên dễ thông cảm cho quyền lợi hoặc dễ dàng chấp nhận cho việc làm của họ”, theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, đây là nguy cơ gì?

- A. Nguy cơ từ sự quen thuộc.
- B. Nguy cơ tư lợi.
- C. Nguy cơ về sự bào chữa
- D. Nguy cơ tự kiểm tra

ANSWER: A

Câu 8: Một sai sót nhỏ trong báo cáo tài chính có thể được xem là không trọng yếu trong trường hợp nào?

- A. Khi nó không ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin báo cáo tài chính.
- B. Khi nó lớn hơn ngưỡng trọng yếu đã được thiết lập.
- C. Khi nó được phát hiện bởi kiểm toán viên
- D. Khi nó ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin báo cáo tài chính

ANSWER: A

Câu 9: Một trong những rủi ro lớn nhất mà tổ chức phải đối mặt nếu không có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả là gì?

- A. Tổn thất tài chính do gian lận hoặc sai sót.
- B. Khó khăn trong việc tìm kiếm nhân viên.
- C. Chi phí quảng cáo cao
- D. Nhân viên lười làm việc

ANSWER: A

Câu 10: Mục tiêu “hiện hữu” trong kiểm toán báo cáo tài chính đề cập đến điều gì?

- A. Tài sản đã được ghi nhận có thực sự tồn tại không.
- B. Các khoản nợ phải trả có được thanh toán đúng hạn không
- C. Các khoản chi phí có được ghi nhận chính xác không
- D. Các thông tin tài chính có được trình bày rõ ràng không

ANSWER: A

Câu 11: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, trách nhiệm của kiểm toán viên là:

- A. Thiết kế và thực hiện 1 cuộc kiểm toán để đảm bảo 1 cách hợp lý là BCTC không có sai lệch trọng yếu.
- B. Thiết kế và thực hiện 1 cuộc kiểm toán để đảm bảo 1 cách hợp lý là BCTC không có sai lệch.
- C. Thiết kế và thực hiện 1 cuộc kiểm toán để đảm bảo 1 cách tuyệt đối là BCTC không có sai lệch trọng yếu
- D. Tổ chức và duy trì hệ thống KSNB hữu hiệu nhằm đảm bảo 1 cách hợp lý về việc ngăn chặn và phát hiện sai sót và gian lận cũng như sự tuân thủ pháp luật và các quy định.

ANSWER: A

Câu 12: Mục tiêu chính của thử nghiệm kiểm soát là gì?

- A. Đánh giá các quy trình kiểm soát nội bộ có được thiết kế phù hợp và được vận hành trong thực tế hay không.
- B. Đánh giá độ chính xác của báo cáo tài chính.
- C. Xác định khả năng chịu rủi ro của tổ chức
- D. Xác minh tính hợp pháp của các giao dịch

ANSWER: A

Câu 13: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, nếu rủi ro tiềm tàng được xác định là cao, kiểm toán viên sẽ làm gì?

- A. Tăng cường thử nghiệm cơ bản
- B. Giảm số lượng nhân viên kiểm toán
- C. Giảm chi phí kiểm toán
- D. Tăng cường thử nghiệm kiểm soát

ANSWER: A

Câu 14: Rủi ro kiểm soát có thể phát sinh từ yếu tố nào?

- A. Tất cả các phương án đều đúng.
- B. Quy trình kiểm soát không được thực hiện đầy đủ hoặc không tuân thủ
- C. Quy trình kiểm soát nội bộ yếu kém
- D. Thiếu các quy trình kiểm soát nội bộ

ANSWER: A

Câu 15: Bằng chứng kiểm toán từ bên thứ ba (như thư xác nhận từ ngân hàng) thường được xem là:

- A. Bằng chứng có độ tin cậy cao.
- B. Bằng chứng có độ tin cậy thấp.
- C. Bằng chứng không cần thiết
- D. Bằng chứng không hợp lệ

ANSWER: A

Câu 16: Thứ tự các bước trong quá trình tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên là: (chọn câu hợp lý nhất)

- A. Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát, thực hiện thử nghiệm kiểm soát; đánh giá lại rủi ro kiểm soát, thiết kế các thử nghiệm cơ bản.
- B. Thiết kế các thử nghiệm cơ bản, tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thực hiện thử nghiệm kiểm soát; đánh giá lại rủi ro kiểm soát.

- C. Tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thực hiện thử nghiệm kiểm soát; thiết kế các thử nghiệm cơ bản; đánh giá lại rủi ro kiểm soát
- D. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát, tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thiết kế các thử nghiệm cơ bản; đánh giá lại rủi ro kiểm soát

ANSWER: A

Câu 17: Tại sao việc xác định mức trọng yếu là quan trọng trong kiểm toán báo cáo tài chính?

- A. Để xác định phạm vi thử nghiệm cơ bản.
- B. Để giảm chi phí kiểm toán.
- C. Để xác định quy trình kiểm soát nội bộ
- D. Để giảm trách nhiệm của kiểm toán viên

ANSWER: A

Câu 18: Ai là người chịu trách nhiệm lập chương trình kiểm toán?

- A. Kiểm toán viên chính hoặc trưởng nhóm kiểm toán.
- B. Ban giám đốc của đơn vị được kiểm toán.
- C. Kế toán trưởng
- D. Nhân viên kế toán

ANSWER: A

Câu 19: Bạn được phân công kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty A. Sau đây là những bằng chứng đã thu thập được, bạn hãy sắp xếp theo thứ tự mức độ tin cậy giảm dần:

- I. Ủy nhiệm chi
- II. Phiếu chứng kiến kiểm kê tiền mặt của kiểm toán viên
- III. Thư xác nhận ngân hàng gửi trực tiếp cho kiểm toán viên
- IV. Hóa đơn bán hàng của A

Sắp xếp

- A. II,III,I,IV.
- B. IV,II,III,I
- C. I,II,IV,III
- D. I,II,III,IV.

ANSWER: A

Câu 20: Hãy chọn câu đúng nhất:

- A. Cơ sở dẫn liệu là căn cứ xây dựng mục tiêu kiểm toán
- B. Mục tiêu kiểm toán là căn cứ xây dựng cơ sở dẫn liệu
- C. Mục tiêu kiểm toán và cơ sở dẫn liệu hoàn toàn khác nhau
- D. Mục tiêu kiểm toán và cơ sở dẫn liệu hoàn toàn giống nhau

ANSWER: A

Phần II: Tự luận (4 điểm, gồm 2 câu mỗi câu 2 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty CST cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.20XX, kiểm toán viên phát hiện tình huống sau:

Một hợp đồng cho thuê kho trong 2 năm, bắt đầu ngày 1.1.20XX và kết thúc ngày 31.12.20XX+1, số tiền thuê là 300 triệu đồng (chưa thuế GTGT, thuế suất 10%), phải thanh toán toàn bộ ngay khi thuê. Đơn vị đã ghi nhận toàn bộ số tiền này vào doanh thu năm 20XX nhưng chỉ hạch toán các chi phí thực tế phát sinh năm 20XX bao gồm khấu hao là 70 triệu đồng và chi phí điện nước là 8 triệu đồng.

Cho biết thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%. Công ty kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- Xác định ảnh hưởng của sai sót trên đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 20XX.
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh nếu có cho sai sót trên.

Câu 2. (2 điểm) :

Hãy cho biết trong từng trường hợp dưới đây, Kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán gì là phù hợp? Giải thích ngắn gọn? (mỗi ý kiến kiểm toán đúng 0,25 điểm, lí do đúng 0,25 điểm)

a/ Trường hợp 1: Báo cáo tài chính của công ty chưa được hợp nhất, nhiều khoản mục trong Báo cáo tài chính còn nhiều sai sót trọng yếu. Các sai sót trọng yếu ảnh hưởng lan tỏa đối với báo cáo tài chính.

b/ Trường hợp 2: Kiểm toán viên kiểm tra báo cáo tài chính của công ty XYZ và nhận thấy rằng một số khoản phải thu từ khách hàng đã quá hạn thanh toán trên 90 ngày, nhưng công ty vẫn ghi nhận đầy đủ khoản phải thu này mà không thực hiện điều chỉnh dự phòng. Biết khoản dự phòng là trọng yếu, sai sót này không ảnh hưởng lan tỏa báo cáo tài chính.

c/ Trường hợp 3: Kiểm toán viên không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của đơn vị, khoản mục này là trọng yếu. Tuy nhiên, khi kết thúc kiểm toán, kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính của đơn vị đã trình bày trung thực và hợp lý, kể cả khoản mục hàng tồn kho, vì đã sử dụng những thủ tục kiểm toán thay thế.

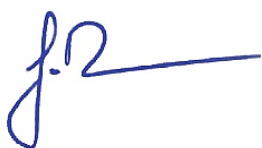
d/ Trường hợp 4: Trong quá trình kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn của Công ty ASG, kiểm toán viên không thu thập được bằng chứng của một khoản đầu tư vào một công ty ở Chesnia. Kiểm toán viên kết luận rằng không thể có được các bằng chứng đầy đủ và thích hợp về khoản đầu tư này. Khoản đầu tư này chiếm 85% giá trị tài sản thuần của đơn vị.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6.0	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0.3	
II. Tự luận		4.0	
Câu 1	Xác định ảnh hưởng đến bảng BCKQKD: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ -Doanh thu: +150 -LN trước thuế: +150 -Thuế TNDN: +30 (150*20%) - LN sau thuế: +120 (150-30)	0.8	
	Xác định ảnh hưởng đến bảng CĐKT: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ V. LN chưa phân phối: +120 VI. Thuế và các khoản phải nộp: +30 VII. Doanh thu chưa thực hiện: -150	0.6	
	Thực hiện bút toán điều chỉnh 1. Nợ TK 511 150 Có TK 3387 150 0,4đ 2. N3334/C821 30 0,1đ 3. N421/911 120 0,1đ	0.6	
Câu 2	Đáp án: mỗi ô đúng 0.25đ	2.0	
	Ý kiến kiểm toán		
	Giải thích		
	a. Ý kiến trái ngược		
	b. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ		

	c. Ý kiến chấp nhận toàn phần	Do KTV kết luận báo cáo tài chính đã trung thực.		
	d. Ý kiến từ chối	Do KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận. Khoản đầu tư chiếm gần hết giá trị của công ty.		
	Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề



ThS. Phan Minh Nguyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 11 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Phước